

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Huế, tháng 08 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15/03/2016)
Ông Hoàng Việt	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/03/2016)
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15/04/2016)
Ông Lê Văn Vinh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Bình	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15/03/2016)
Ông Hoàng Việt	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/03/2016)
Ông Nguyễn Trí Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vinh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Thanh Bình
Giám đốc

Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2016

03
CỔ
CH
KIẾ
A
4

Số: 159/2016/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/8/2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 9 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án trạm nghiên cứu xi măng Quảng Trị (đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn) vẫn đang trong quá trình kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành. Theo đó, giá trị chuyển nhượng, giá trị quyết toán đầu tư xây dựng của dự án và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty hoàn thành công việc kiểm toán; Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn chấp nhận.



Vũ Bình Minh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.807.456.000	136.387.212.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.623.637.101	27.224.664.204
1. Tiền	111		28.623.637.101	17.224.664.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.859.722.421	91.234.753.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	87.847.216.360	89.487.997.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.894.500	32.541.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.861.611.561	1.714.215.181
III. Hàng tồn kho	140	8	8.700.715.225	17.479.652.980
1. Hàng tồn kho	141		8.929.068.975	17.708.006.730
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(228.353.750)	(228.353.750)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		623.381.253	448.141.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		69.977.400	2.316.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		495.263.867	411.750.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	58.139.986	34.074.587
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.378.586.273	22.399.269.493
I. Tài sản cố định	220		1.736.503.715	1.913.564.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.736.503.715	1.913.564.721
- Nguyên giá	222		34.795.052.814	34.795.052.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.058.549.099)	(32.881.488.093)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.642.082.558	20.485.704.772
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	20.642.082.558	20.485.704.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.186.042.273	158.786.481.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		67.589.937.150	46.278.468.797
I. Nợ ngắn hạn	310		67.589.937.150	46.278.468.797
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	55.890.045.415	35.769.929.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.760.251	96.166.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.294.926.695	426.766.766
4. Phải trả người lao động	314		2.287.819.566	5.664.644.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	1.253.936.670	90.384.959
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.909.091	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	3.013.194.373	2.749.185.532
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	2.392.534.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	1.399.811.089	1.481.391.089
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.596.105.123	112.508.013.016
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	112.596.105.123	112.508.013.016
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.032.320.000	1.032.320.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.617.293.061	18.214.806.428
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.418.399.955	1.418.399.955
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.328.092.107	3.642.486.633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	320.098.589
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.328.092.107	3.322.388.044
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.186.042.273	158.786.481.813

Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập

Nguyễn Xuân Cát Tường

TP Kế toán TKTC

Trần Xuân Trung

Giám đốc



Phạm Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	273.976.693.736	287.585.591.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.610.078.861	1.196.847.973
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		272.366.614.875	286.388.743.627
4. Giá vốn hàng bán	11	20	231.213.715.874	249.950.139.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.152.899.001	36.438.604.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	547.871.760	295.017.595
7. Chi phí tài chính	22		-	197.758.988
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	27.160.632.923	27.166.112.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.933.845.528	8.481.073.325
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.606.292.310	888.677.158
11. Thu nhập khác	31	22	577.835.403	4.413.139.270
12. Chi phí khác	32		12.579	639.915.662
13. Lợi nhuận khác	40		577.822.824	3.773.223.608
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.184.115.134	4.661.900.766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	856.023.027	1.040.138.169
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.328.092.107	3.621.762.597
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	475	517
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		475	517

Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập



Nguyễn Xuân Cát Tường

TP Kế toán TKTC



Trần Xuân Trung

Giám đốc



Phạm Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.184.115.134	4.661.900.766
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	177.061.006	178.052.458
- Các khoản dự phòng	03	2.392.534.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	197.758.988
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(547.871.760)	(295.017.595)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.205.838.380	4.742.694.617
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.267.452.262	(11.935.759.916)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.778.937.755	(15.536.794.671)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.273.917.314	16.803.102.878
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(67.660.800)	(536.506.266)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(172.361.268)	(530.496.417)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.000.000	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(544.580.000)	(760.055.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.764.543.643	(7.743.815.331)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(156.377.786)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	547.871.760	295.017.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	391.493.974	295.017.595
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.757.064.720)	(2.094.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.757.064.720)	(2.094.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	31.398.972.897	(9.543.487.736)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.224.664.204	42.724.346.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	4.272.368
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.623.637.101	33.185.131.289

Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập

TP Kế toán TKTC

Giám đốc



Nguyễn Xuân Cát Tường

Trần Xuân Trung

Phạm Thanh Bình

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101300 cấp lần đầu ngày 17/04/2006 và thay đổi lần 6 ngày 28/03/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu được lưu hành, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Hiện tại cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TXM. Các cổ đông chính của Công ty như sau:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	3.584.525	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	700.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	2.715.475	27.154.750.000	38,79%
Cộng	7.000.000	70.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 30/06/2016, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng và các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh tại Quảng Bình;
- Chi nhánh tại Hải Phòng;
- Chi nhánh tại Bim Sơn;
- Chi nhánh tại Quảng Trị;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	313.182.107	129.619.587
Tiền gửi ngân hàng	28.310.454.994	17.095.044.617
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>58.623.637.101</u>	<u>27.224.664.204</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	36.630.795.946	82.421.439.345
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.563.244.150	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	42.653.176.264	7.066.557.965
Cộng	<u>87.847.216.360</u>	<u>89.487.997.310</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	36.630.795.946	82.421.439.345
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	94.369.361	76.147.600
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.563.244.150	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.163.043.200	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.750.778.750	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.523.492.000	-
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	5.916.521.098	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tạm ứng	112.000.000	71.392.641
Ký cược, ký quỹ	1.140.389.003	1.121.000.000
Phải thu khác	609.222.558	521.822.540
Cộng	<u>1.861.611.561</u>	<u>1.714.215.181</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	675.493.617	-	90.129.265	-
Nguyên liệu, vật liệu	525.372.074	-	719.324.005	-
Công cụ, dụng cụ	183.600	-	183.600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	132.566.913	-	170.792.868	-
Hàng hoá	7.340.288.686	(228.353.750)	13.182.349.775	(228.353.750)
Hàng gửi bán	255.164.085	-	3.545.227.217	-
Cộng	<u>8.929.068.975</u>	<u>(228.353.750)</u>	<u>17.708.006.730</u>	<u>(228.353.750)</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị	20.642.082.558	20.485.704.772
Cộng	<u>20.642.082.558</u>	<u>20.485.704.772</u>

Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị với tổng giá trị đầu tư được phê duyệt 211,312 tỷ đồng đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 92A/BCC-TXM ngày 17/05/2011. Công ty đã thực hiện bàn giao dự án nêu trên cho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn từ ngày 16/06/2011. Theo biên bản làm việc ngày 22/02/2012 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn thống nhất giá trị thanh toán đợt 1 là 156.042.246.508 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%) căn cứ theo tổng giá trị mà Công ty đã giải ngân cho dự án có đầy đủ chứng từ tại ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22/02/2012. Giá trị bàn giao đợt 2 là 12.021.402.812 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%). Giá trị chuyển nhượng và giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng của dự án hoàn thành và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi dự án được kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và được Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn chấp nhận.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thu mua xi măng	37.751.091	-
Chi phí thu mua thạch cao	735.198.800	-
Chi phí bốc xếp thạch cao	48.946.418	-
Chi phí trang phục, bảo hộ lao động	300.000.000	-
Các khoản chi phí phải trả khác	132.040.361	90.384.959
Cộng	1.253.936.670	90.384.959

11. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	597.808.934	567.801.741
Kinh phí công đoàn	30.052.558	32.211.682
Bảo hiểm xã hội	138.841.560	39.387
Bảo hiểm y tế	24.030.270	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.679.320	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.001.482	39.066.202
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.129.780.249	2.110.066.520
Cộng	3.013.194.373	2.749.185.532

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định	488.470.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc theo phương án tái cấu trúc Công ty	1.904.064.000	-
Cộng	2.392.534.000	-

13. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	1.007.018.977	1.159.018.977
Quỹ phúc lợi	392.792.112	322.372.112
Cộng	1.399.811.089	1.481.391.089

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09a - DN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	19.807.146.794	10.657.982.150	3.850.442.050	479.481.820	34.795.052.814
Tại ngày 30/06/2016	19.807.146.794	10.657.982.150	3.850.442.050	479.481.820	34.795.052.814
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	18.903.533.379	10.657.982.150	2.850.382.048	469.590.516	32.881.488.093
Khấu hao trong kỳ	110.041.004	-	64.520.002	2.500.000	177.061.006
Tại ngày 30/06/2016	19.013.574.383	10.657.982.150	2.914.902.050	472.090.516	33.058.549.099
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	903.613.415	-	1.000.060.002	9.891.304	1.913.564.721
Tại ngày 30/06/2016	793.572.411	-	935.540.000	7.391.304	1.736.503.715

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 29.992.484.871 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 29.972.942.871 đồng).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	14.821.056.919	14.821.056.919	13.314.177.386	13.314.177.386
Tổng Công ty hợp tác kinh tế	3.635.108.000	3.635.108.000	3.748.655.000	3.748.655.000
Công ty TNHH Thương mại DHP	10.683.592.514	10.683.592.514	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	26.750.287.982	26.750.287.982	18.707.097.492	18.707.097.492
Cộng	55.890.045.415	55.890.045.415	35.769.929.878	35.769.929.878
Số nợ quá hạn chưa thanh toán (*)				
Tổng công ty cơ khí xây dựng	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256
Phải trả cho các đối tượng khác	4.149.346.042	4.149.346.042	5.766.476.065	5.766.476.065
Cộng	7.590.887.298	7.590.887.298	9.208.017.321	9.208.017.321

(*) Số dư nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán là số dư nợ phải trả liên quan đến Dự án trạm nghiền Quảng Trị vẫn đang trong quá trình kiểm tra quyết toán. Công ty sẽ thanh toán đầy đủ cho các nhà cung cấp sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

Phải trả người bán bên liên quan

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	14.821.056.919	14.821.056.919	13.314.177.386	13.314.177.386
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt nam	61.380.653	61.380.653	79.781.088	79.781.088
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	-	1.316.384.698	1.316.384.698
Công ty tư vấn đầu tư phát triển xi măng	68.234.300	68.234.300	68.234.300	68.234.300

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	419.309.311	1.957.298.366	1.731.268.154	645.339.523
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.160.574.014	7.160.574.014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.074.587)	856.023.027	172.361.268	649.587.172
Thuế thu nhập cá nhân	7.457.455	136.466.604	202.064.045	(58.139.986)
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	775.851.506	775.851.506	-
Thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Cộng	392.692.179	10.894.713.517	10.050.618.987	1.236.786.709
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(34.074.587)			(58.139.986)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	426.766.766			1.294.926.695

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	70.000.000.000	18.200.000.000	-	1.418.399.955	6.401.971.806	16.745.647.573	112.766.019.334
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.322.388.044	-	3.322.388.044
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(6.081.873.217)	2.501.478.855	(3.580.394.362)
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	1.032.320.000	-	-	(1.032.320.000)	-
Tại ngày 01/01/2016	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	3.642.486.633	18.214.806.428	112.508.013.016
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	3.328.092.107	-	3.328.092.107
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(3.642.486.633)	402.486.633	(3.240.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	3.328.092.107	18.617.293.061	112.596.105.123

Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 561/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2016 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	402.486.633
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	440.000.000
Chia cổ tức	2.800.000.000
Cộng	3.642.486.633

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
	VND	VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.845.250.000	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.000.000.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	27.154.750.000	27.154.750.000	38,79%
Cộng	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Đô la Mỹ (USD)	260,54	260,54

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	273.291.650.555	283.787.678.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ	685.043.181	3.797.913.546
Cộng	<u>273.976.693.736</u>	<u>287.585.591.600</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	149.057.976.233	163.940.987.568
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	685.043.181	3.797.913.546
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	-	8.271.638.952
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.809.283.319	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	4.693.675.636	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.591.617.045	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.294.083.636	-
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	5.378.655.544	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.610.078.861	1.196.847.973
Cộng	1.610.078.861	1.196.847.973

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	230.027.895.833	246.151.553.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.185.820.041	3.798.585.686
Cộng	231.213.715.874	249.950.139.540

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	547.871.760	295.017.595
Cộng	547.871.760	295.017.595

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	-	2.346.011.729
Thu nhập từ chênh lệch tạp chất	785.727	1.082.671.578
Thu nhập từ cho thuê nhà, kho bãi	50.000.003	125.455.637
Các khoản thu nhập khác	527.049.673	859.000.326
Cộng	577.835.403	4.413.139.270

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
a) Chi phí bán hàng	27.160.632.923	27.166.112.211
Chi phí lương nhân viên	1.208.323.928	1.371.614.699
Chi phí vật liệu, bao bì	15.545.000	5.429.091
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	488.470.000	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	25.195.330.952	25.345.766.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.000.000	170.845.453
Chi phí khác bằng tiền	246.963.043	272.456.811
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.933.845.528	8.481.073.325
Chi phí lương nhân viên	5.300.591.329	4.968.167.218
Chi phí vật liệu quản lý	215.751.793	164.585.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.610.100	142.078.420
Thuế, phí và lệ phí	880.907.774	886.354.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.016.154	475.052.648
Chi phí khác bằng tiền	3.515.968.378	1.844.834.885
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	38.094.478.451	35.647.185.536

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	606.622.274	2.219.345.002
Chi phí nhân công	6.964.828.598	7.525.442.241
Chi phí sửa chữa, khấu hao tài sản cố định	665.531.006	362.374.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.385.319.603	37.199.179.750
Chi phí khác bằng tiền	4.838.631.958	3.235.532.649
Cộng	45.460.933.439	50.541.874.100

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.184.115.134	4.661.900.766
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	96.000.000	66.000.000
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>96.000.000</i>	<i>66.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	4.280.115.134	4.727.900.766
Thuế suất	20%	22%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	856.023.027	1.040.138.169
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	856.023.027	1.040.138.169

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.328.092.107	3.621.762.597
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.328.092.107	3.621.762.597
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	475	517

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016	Giá trị ghi sổ 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.623.637.101	27.224.664.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.596.827.921	91.130.819.850
Cộng	148.220.465.022	118.355.484.054
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	58.101.827.146	37.919.062.600
Chi phí phải trả	1.253.936.670	90.384.959
Cộng	59.355.763.816	38.009.447.559

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.849.123	5.849.123	3.258.194.877	3.895.004.632

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	58.101.827.146	-	-	58.101.827.146
Chi phí phải trả	1.253.936.670	-	-	1.253.936.670
Tại 01/01/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	37.919.062.600	-	-	37.919.062.600
Chi phí phải trả	90.384.959	-	-	90.384.959

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.623.637.101	-	-	58.623.637.101
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.596.827.921	-	-	89.596.827.921
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.224.664.204	-	-	27.224.664.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.130.819.850	-	-	91.130.819.850

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Cổ đông chiếm 10% Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam		
Phí tư vấn	498.506.374	521.560.136
Cổ tức	1.433.810.000	1.075.357.500
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1		
Cổ tức	280.000.000	210.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		
Mua hàng	89.083.266.988	92.059.983.649
Thu nhập khác	492.523.919	2.849.903.933
- Thu nhập từ cước bốc xếp xi măng, vỏ bao	492.523.919	503.892.204
- Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	-	2.346.011.729
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch		
Mua hàng	-	808.376.189
Thu nhập khác	-	109.092.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân		
Mua hàng	-	1.905.102.153
Thu nhập khác	-	50.157.156
Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc)	964.502.689	829.876.901
Phải trả khác		
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	548.629.521	598.716.150
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	1.228.866.725	1.228.866.725

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

Người lập



Nguyễn Xuân Cát Tường

TP Kế toán TKTC



Trần Xuân Trung

Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Giám đốc




Phạm Thanh Bình